TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Hừng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vanh Si Tha

2. Bà Châu Thanh Nguyên

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Văn Việt là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn: Ông Chau Pho Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024, về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 56/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đặng Thị Tuyết N, sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ G, ấp P, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Lưu Văn C, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ G, ấp P, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn ngày 27/02/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Đặng Thị Tuyết N trình bày:

Bà N và ông C có thời gian tự quen biết tìm hiểu nhau từ năm 2005, đến năm 2006 tổ chức lễ cưới, năm 2012 đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng giữa năm 2006 phát sinh mâu thuẫn do ông C hay uống rượu bà N khuyên ngăn không được dẫn đến vợ chồng bắt đầu to tiếng cãi nhau và ông C có hành vi đánh bà N, đỉnh điểm đến năm 2022 do vợ chồng không có việc làm cùng nhau ăn tiêu hết tiền gia đình bà N rủ ông C

cùng đi làm, ông C không chịu đi còn thách thức bà N đi được thì đừng về nhà, bà N đi làm vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Bà N không còn tình cảm với ông C kiên quyết ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lưu Đức H, sinh ngày 21/11/2006; Lưu Thị Yến N1 sinh ngày 17/8/2010; Lưu Đức H1, sinh ngày 15/9/2012 bà N xin được nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, tôn trọng nguyện vọng của con chung nếu lựa chọn sống cùng với ông C thì bà N không tranh chấp dành quyền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Lưu Văn C trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2024 : Thống nhất theo lời trình bày của bà N về thời gian quen biết tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chung sống hạnh phúc đến năm 2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn lý do ông C có thường uống rượu dẫn đến vợ chồng cãi nhau nhưng vẫn chung sống hoà thuận, ông C thừa nhận khi nóng giận và có rượu trong người lâu lâu vẫn có tát vào má bà N nhưng từ năm 2017 đến giờ không có đánh đập cãi nhau với bà N. Năm 2022 bà N rủ ông C đi làm nhưng không đi cùng, ông C có thách bà N đi được đi luôn nên bà N đi làm ông C vẫn ở nhà nuôi dưỡng 03 con chung, lâu lâu bà N cũng có gửi tiền về cho ông C nuôi con, nhưng đến năm 2024 bà N về nộp đơn ly hôn ông C không biết lý do. Do vẫn còn tình cảm nên ông C không đồng ý ly hôn với bà N xin được đoàn tụ.

Về con chung: Hiện tại ông C đang nuôi dưỡng 03 con chung. Do không đồng ý ly hôn nên không đồng ý giao các con chung cho bà N nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nhận thấy bà N, ông C trên cơ sở tự nguyện quen biết, tìm hiểu tổ chức lễ cưới về chung sống năm 2006 đến năm 2012 đăng ký kết hôn.

Đến năm 2010 hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C thường hay uống rượu và to tiếng dẫn đến vợ chồng cãi nhau và mâu thuẫn về kinh tế, ông C không lo đi làm phụ kinh tế gia đình còn thách thức bà N dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng đến năm 2022 chính thức ly thân chưa về chung sống hàn gắn lại. Bà N yêu cầu ly hôn ông C không đồng ý ly hôn. Căn cứ biên bản xác minh ngày 28/3/2024 xác định ông C thường hay uống rượu dẫn đến vợ chồng cãi nhau và bà N bỏ đi từ năm 2022 cho đến nay. Cho thấy mâu thuẫn

đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lưu Đức H, sinh ngày 21/11/2006; Lưu Thị Yến N1 sinh ngày 17/8/2010; Lưu Đức H1, sinh ngày 15/9/2012, bà N yêu cầu nuôi dưỡng Lưu Thị Yến N1, Lưu Đức H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con và phù hợp với nguyện vọng của con, riêng Lưu Đức H1 có nguyện vọng được sống chung với ông C. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, giao Lưu Thị Yến N2, Lưu Đức H cho bà N nuôi dưỡng và giao Lưu Đức Hào cho ông C nuôi dưỡng và đôi bên không cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông C đều xác định không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 27 tháng 02 năm 2024 bà Đặng Thị Tuyết N có đơn yêu cầu ly hôn với ông Lưu Văn C và yêu cầu giải quyết về nuôi con, ông C cư trú tại tổ G, ấp P, xã L, huyện T, tỉnh An Giang. Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 19/7/2024 bị đơn vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2024 và tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà N và ông C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 20/11/ 2012 là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến giữa năm 2010 phát sinh mâu thuẫn, bà N và ông C đã ly thân từ giữa năm 2022 đến nay chưa về chung sống lại.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa bà N và ông C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng không thể hàn gắn được, bà N yêu cầu ly hôn, ông C không đồng ý ly hôn với lý do còn thương vợ, xin được đoàn tụ nhưng trong suốt khoảng thời gian ly thân cho đến nay các bên vẫn mâu thuẫn, căng thẳng, chưa về hàn gắn chung sống lại. Xét thấy, T sau thời điểm Toà án hoà giải cho đến nay, ông C vẫn không chủ động hàn gắn tình cảm với bà N, phần bà N vẫn cố tình tránh né. Do bà N không còn tình cảm nên không chủ động về chung sống với ông C, ông C nếu thật sự còn tình cảm thì sẽ tìm cách về chung sống lại với bà N, nhưng hai bên lại không gặp mặt liên lạc với nhau tìm cách hàn gắn tình cảm, mặc dù các con vẫn còn đang sống chung với ông C mà lại bỏ mặc nhau tự sống, không còn tình yêu

thương, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, mối quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông C càng tìm cách tiếp tục duy trì chỉ làm cho hai bên càng thêm mâu thuẫn trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà N và ông C có 03 con chung tên Lưu Đức H, sinh ngày 21/11/2006; Lưu Thị Yến N2 sinh ngày 17/8/2010; Lưu Đức H1, sinh ngày 15/9/2012, bà N yêu cầu nuôi dưỡng Lưu Thị Yến N2, Lưu Đức H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con và phù hợp với nguyện vọng của con, riêng Lưu Đức H1 có nguyện vọng được sống chung với ông C. Ông C không đồng ý giao con cho bà N nuôi dưỡng do không đồng ý ly hôn. Xét thấy cả bà N và ông C đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định, việc giao cả 03 con chung cho bà N hoặc ông C nuôi dưỡng là khó đảm bảo điều kiện về kinh tế để chăm sóc chu đáo cho các con chung, nên cần giải quyết theo hướng giao 02 con chung Lưu Thị Yến N2, Lưu Đức H cho bà N nuôi dưỡng và giao con chung Lưu Đức H1 cho ông C nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế, điều kiện của các bên đang chăm sóc nuôi dưỡng con chung và phù hợp với nguyện vọng của các con nên được Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con chung tên Lưu Thị Yến N2, Lưu Đức H; ông C được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con chung tên Lưu Đức H1. Bà N và ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông Chính xác đ không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Bà Đặng Thị Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Tuyết N. Bà Đặng Thị Tuyết N được ly hôn với ông Lưu Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 20/11/2012 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Đặng Thị Tuyết N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Lưu Đức H, sinh ngày 21/11/2006; Lưu Thị Yến N2 sinh ngày 17/8/2010.

Ông Lưu Văn C được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con chung tên Lưu Đức H1, sinh ngày 15/9/2012.

Bà N và ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông C có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Đức H và Yến N2 được sống chung với bà N, tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung của bà N.

Bà N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Đức H1 được sống chung với ông C, tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung của ông C.

Bà N, ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, bà N, ông C cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp một trong các bên bà N, ông C lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con trên cơ sở vì lợi ích của con chung.

Về án phí sơ thẩm:

Bà Đặng Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012284 ngày 27-02-2024 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà Đặng Thị Tuyết N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hừng